TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HSST
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm
Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Thanh Tùng
Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hữu Yến Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2025/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T - sinh năm 1990 tại Phú Yên
Nơi cư trú: Thôn P, xã A - huyện T - tỉnh Phú Yên (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); Căn cước công dân số: 054090001800 cấp ngày 22/4/2001; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Lê Văn D và bà Lưu Thị X; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn A - sinh năm 1993 tại Khánh Hòa
Nơi cư trú: Thôn L, xã V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa; Căn cước công dân số: 056093012564 cấp ngày 14/8/2001; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T2; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Đ- sinh năm 1986 tại Phú Yên
Nơi cư trú: Thôn P, xã A - huyện T - tỉnh Phú Yên (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); Chứng minh nhân dân số: 221448805 do Công an tỉnh P cấp ngày 08/5/2015 *(Số định danh: 054086010606 chưa làm Căn cước công dân)*; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông Trần Bình T3 và bà Lê Thị L; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1997 - Chủ Hộ kinh doanh EMO

Địa chỉ: A L, phường P - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Ông Trần Minh T4, sinh năm 1985

Địa chỉ: A Â, phường C - Quận H (nay là phường C), thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1995

3. Ông Lê Tấn Đ1, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1990

5. Ông Đỗ Hoàng T5, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà Nguyễn Thị Xuân T6, sinh năm 1992

7. Ông Nguyễn Đức Đ2, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa.

8. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 2007

Người đại diện hợp pháp của ông V*:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa.

9. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn X, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa.

10. Ông Lê Văn H1, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn L, xã V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa.

Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 07/11/2023, tổ công tác của Công an thành phố N phối hợp với Công an phường V, thành phố N tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh karaoke EMO, số B - 29 đường N, phường V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa. Tại thời điểm kiểm tra, Phòng VIP6 có 12 đối tượng, gồm: Nguyễn Thị Xuân T6, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Xuân S1, Lê Tấn Đ1, Đỗ Hoàng T5, Nguyễn Đức Đ2, Lê Văn H1, Nguyễn Thành V1, Lê Văn T, Trần Đ, Nguyễn A; trên bàn có: một ít chất một màu trắng trên đĩa sứ (niêm phong, ký hiệu VIP6-A); 01 bịch nylon màu trắng có khóa khằn miệng, kích thước (4x6)cm, có 02 mảnh viên nén màu hồng (niêm phong, ký hiệu VIP6-B); 01 đĩa sứ màu trắng, 01 tấm thẻ card bằng nhựa; 02 tờ

tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng được quấn thành ống hút. Tổ công tác thu giữ toàn bộ tang vật và đưa tất cả về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra, xác định: Khoảng 17 giờ ngày 06/11/2023, Nguyễn A, Lê Văn T, Trần Đ rủ nhau đến quán K, số B - 29 đường N, phường V, thành phố N thuê phòng VIP6 để hát và uống bia. Khoảng 21 giờ cùng ngày, một thanh niên (chưa rõ lai lịch) vào phòng mời cả nhóm mua ma túy sử dụng thì tất cả đồng ý góp mỗi người 1.000.000 đồng để mua 02 viên ma túy "thuốc lắc" và 03 chấm ma túy "khay" để cùng sử dụng. Khi người này bỏ ma túy ra bàn, cả ba không biết cách sử dụng nên người thanh niên trên lấy 01 viên ma túy "thuốc lắc" bỏ vào ly thủy tinh, nghiền mịn rồi bỏ vào nước coca, đổ bịch ma túy "khay" ra đĩa, "xào", lấy 02 tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn thành ống hút cho cả 03 sử dụng rồi nói sẽ quay lại lấy tiền sau. Sau đó, T, A, Đ sử dụng ma túy. Đến khoảng 01 giờ ngày 07/11/2023, nhóm T6, D1, H, S1, Đ1, T5, Đ2, H1, V1 cũng đến karaoke EMO, số B - 29 đường N, phường V, thành phố N để thuê phòng hát nhưng chưa có phòng nên T, Đ, A rủ tất cả vào phòng VIP6 chơi để chờ phòng. Khi cả nhóm T6 vừa vào phòng VIP6 được một lúc thì bị tổ công tác kiểm tra và phát hiện như trên.

Tại Kết luận giám định số 519/2023/KL-KTHS ngày 14/11/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh K kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu ký hiệu VIP6-A gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3897g, loại Ketamine; Các mảnh viên nén màu hồng trong mẫu ký hiệu VIP6-B gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,3835g, loại MDMA, Ketamine, Methamphetamine. Các mẫu vật VIP6-A, VIP6-B đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Tại Cáo trạng số 167/CT-VKSNT ngày 28/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang *(nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hoà)* đã truy tố Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hoà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Đ, Nguyễn Anh . Xử phạt các bị cáo Lê Văn T, Trần Đ, Nguyễn A mỗi bị cáo từ 07 *(Bảy)* năm đến 07 *(Bảy)* năm 06 *(S2)* tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu, sung công quỹ 02 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 Việt Nam đồng (hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước); Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ màu trắng và 01 thẻ card bằng nhựa.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ đều khai nhận hành vi của mình đúng như Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa truy tố; đồng ý

với luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy sự vắng mặt của tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh:

[3.1] Xét hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ:

Tại phiên toà, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng truy tố, khẳng định những lời khai trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, không bị bức cung; nội dung bản Cáo trạng truy tố không oan sai cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có căn cứ xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 06/11/2023, tại quán K, số B - B đường N, phường V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ đã có hành vi cùng nhau góp mỗi người 1.000.000 đồng để mua 02 viên ma túy "thuốc lắc" và 03 chấm ma túy "khay" từ một thanh niê*n (chưa rõ lai lịch)*, sau đó cùng nhau sử dụng số ma túy trên tại phòng VIP6 của quán K.

Căn cứ Kết luận giám định số 519/2023/TL-KTHS ngày 14/11/2023, biên bản sự việc ngày 07/11/2023, lời khai của các bị cáo và người làm chứng, có cơ sở để xác định số ma túy thu giữ tại hiện trường gồm: 0,3897g ma túy loại Ketamine và 0,3835g hỗn hợp ma túy các loại MDMA, Ketamine, Methamphetamine là của các bị cáo đã mua từ người thanh niên *(không rõ lai lịch)* để cùng nhau sử dụng.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A và Trần Đ đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho từ hai người trở lên. Do đó, Cáo trạng số 136/CT-VKSNT ngày 06/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang *(nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa)* truy tố các bị cáo về tội "Tổ chức sử

dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3.2] Xét hành vi của các đối tượng Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Xuân S1, Lê Tấn Đ1, Đỗ Hoàng T5, Nguyễn Đức Đ2, Lê Văn H1 và Nguyễn Thành V1:

Theo Biên bản sự việc ngày 07/11/2023 thể hiện: Ngoài các bị cáo T, A, Đ thì tại thời điểm Tổ công tác kiểm tra Phòng VIP06 còn phát hiện 09 đối tượng khác đang có mặt trong phòng, gồm: Nguyễn Thị Xuân T6, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Xuân S1, Lê Tấn Đ1, Đỗ Hoàng T5, Nguyễn Đức Đ2, Lê Văn H1 và Nguyễn Thành V1. Qua kết quả test nhanh ma túy cho thấy, trừ Nguyễn Thị Xuân T6 âm tính với chất ma túy thì các đối tượng còn lại đều dương tính ma túy có ít nhất một trong các thành phần Methamphetamine, MDMA, Ketamine. Tuy nhiên, tất cả các đối tượng này đều khai nhận không sử dụng ma túy tại Phòng VIP06 và cũng không biết các bị cáo T, Đ, Anh đã sử dụng ma túy trong phòng trước đó; việc họ có kết quả dương tính là do đã sử dụng ma túy từ trước, tại những địa điểm khác, không liên quan đến vụ việc nêu trên. Lời khai này phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Trần Minh T4 - Lễ tân của quán K *(tại Bút lục 186)*, thể hiện: Các bị cáo T, A, Đ đã đến quán và vào phòng VIP6 từ lúc 17 giờ ngày 06/11/2023, còn các đối tượng khác chỉ vừa đến quán để thuê phòng hát từ lúc 01 giờ ngày 07/11/2023 nhưng do quán hết phòng nên trong lúc họ đang đợi tại khu vực lễ tân thì được các bị cáo mời vào phòng VIP6 để ngồi đợi và sau khi họ vào phòng VIP6 từ 03 đến 05 phút thì Tổ công tác tiến hành kiểm tra. Ngoài ra, kết quả xác minh tại hiện trường vụ án cũng cho thấy không có camera giám sát để ghi lại diễn biến sự việc.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc các đối tượng nêu trên có kết quả dương tính với các chất ma túy có thành phần tương tự với ma túy thu giữ tại hiện trường vụ án thì không đủ căn cứ để xác định họ đã góp tiền để mua ma túy cùng các bị cáo T, Đ, Anh hoặc đã sử dụng ma túy tại Phòng VIP06.

Do đó, căn cứ nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại khoản 1 Điều 13 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng trên về hành vi tổ chức sử dụng ma túy trong vụ án này; đồng thời cũng không đủ căn cứ để xác định các bị cáo T, A, Đ đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho các đối tượng Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Xuân S1, Lê Tấn Đ1, Đỗ Hoàng T5, Nguyễn Đức Đ2, Lê Văn H1 và Nguyễn Thành V1.

Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố N đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" đối với các đối tượng trên là có cơ sở.

[3.3] Đối với cơ sở kinh doanh karaoke EMO do ông Nguyễn Quốc P làm chủ, không biết việc các bị cáo đến thuê phòng VIP06 để sử dụng ma túy và cũng không cho phép khách đến thuê phòng để sử dụng ma túy nên không đủ cơ sở để xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Tổ chức sử dụng trái phép

chất ma túy" hoặc "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại các Điều 255 và 256 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo: Ma túy là chất gây nghiện, vô cùng nguy hiểm, không chỉ làm suy kiệt nền kinh tế và sức lao động, mà còn có thể làm hạn chế hoặc mất đi khả năng điều khiển hành vi của con người. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Xét thấy các bị cáo là người thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội nên đây là vụ án có tính chất đồng phạm. Do đó, cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, cả ba bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A có trình độ học vấn thấp, bị cáo Trần Đ không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; cả ba bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và đây là lần đầu phạm tội. Riêng bị cáo Nguyễn Anh T7 có thời gian đi nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét bị cáo Nguyễn A có thời gian rèn luyện, công tác trong môi trường quân đội, điều này thể hiện quá trình phấn đấu tích cực của bị cáo trong quá khứ nên áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn A hơn so với các bị cáo Lê Văn T, Trần Đ là phù hợp.

Xét thấy các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án, căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: 02 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 Việt Nam đồng (hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước) là công cụ phạm tội nên tịch thu sung công quỹ; 01 đĩa sứ màu trắng và 01 thẻ card bằng thẻ nhựa là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn A, Trần Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Các vấn đề khác: Đối với nam thanh đã có hành vi mua bán ma túy với các bị cáo do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ thì xem xét xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Đ và Nguyễn A;

- Căn cứ các Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ các Điều 106; 136; 292; 293; 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 *(Bảy)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Đ 07 *(Bảy)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn A 07 *(Bảy)* năm 03 *(Ba)* tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Đ và Nguyễn A.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 20.000 đồng, hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước theo Giấy nộp tiền số 31001 ngày 19/6/2025 và Giấy nộp tiền số 36001 ngày 26/6/2025.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng và 01 thẻ card bằng nhựa *(Tình trạng vật chứng trên như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/6/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra* Công an tỉnh K *với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang)*.

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn T, Trần Đ và Nguyễn A bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Khánh Hòa.
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm